



**CÔNG TY CP ĐT PT DV CT CC
ĐỨC LONG GIA LAI**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Đi là đến!

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Quá trình hình thành và phát triển	1
a) Việc thành lập	1
b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
a) Ngành nghề kinh doanh	4
b) Địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý	4
b) Các công ty con, công ty liên kết	5
5. Định hướng phát triển	5
a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty	5
b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn	5
c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty	5
6. Các rủi ro	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	6
a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014	6
b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch	7
2. Tổ chức và nhân sự	7
a) Danh sách Ban điều hành	7
b) Những thay đổi trong Ban điều hành	11
c) Chính sách đối với người lao động	12
3. Tình hình tài chính	13
a) Tình hình tài chính	13
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	13
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	14
a) Cổ phần	14
b) Cơ cấu cổ đông	14
c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	14
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	15
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15

2. Tình hình tài chính.....	16
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	17
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	17
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY...	19
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	19
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	19
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	20
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	21
1. Hội đồng quản trị	21
a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.....	21
b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	21
c) Hoạt động của Hội đồng quản trị	21
d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	22
e) Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị.....	22
2. Ban kiểm soát.....	22
a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát.....	22
b) Hoạt động của Ban kiểm soát	22
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.....	23
a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích.....	23
b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người liên quan.....	24
c) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty	24
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	24
1. Ý kiến kiểm toán.....	24
2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán	26

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý nhà đầu tư, cổ đông, khách hàng và đối tác!

Lời đầu tiên, thay mặt toàn thể Công ty, tôi gửi lời kính chúc sức khỏe và hạnh phúc đến Quý vị và gia đình. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin yêu, đồng hành của Quý vị cùng Công ty trong suốt thời gian qua và chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hỗ trợ nhiều hơn nữa trong thời gian tới.

Kính thưa Quý vị, với định hướng chiến lược cụ thể trong từng giai đoạn phát triển. Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai hoàn toàn có thể tự tin hướng đến vị trí của một thương hiệu vững mạnh trong lĩnh vực vận tải. Công ty sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định, phát triển bền vững các hoạt động kinh doanh chính. Qua đó, Công ty sẽ tận dụng cơ hội mở rộng hợp tác đầu tư, ưu tiên khai thác những thế mạnh và năng lực cốt lõi có sẵn.

Thành công này khẳng định công ty có tầm nhìn chiến lược, có khát vọng và đã xây dựng được hệ thống quản lý chuyên nghiệp, cùng một môi trường văn hóa mang đậm bản sắc Đức Long Gia Lai.

Chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của khách hàng, giảm thiểu tác động môi trường, lợi ích của cộng đồng là sứ mệnh của các cấp Ban Lãnh đạo Công ty, là cam kết đối với cổ đông.

Khát vọng đổi mới để tự hoàn thiện, để vươn xa hơn nữa. Để khẳng định một thương hiệu mạnh. Với lòng quyết tâm và sự nỗ lực không ngừng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ - nhân viên, Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai sẽ không phụ lòng tin yêu và sự kỳ vọng mà Quý vị đã dành cho Công ty.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Anh Hùng

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI.**
- Tên tiếng nước ngoài: **DucLong GiaLai Investment and Development of Public project Service JSC.**
- Tên viết tắt: **DLGL INDPS**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900437257
- Vốn điều lệ: 31.420.260.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 31.420.260.000 đồng
- Trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, P. Trà Bá, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: (84.59) 3829.021 Fax: (84.59) 3829.021
- Website: <http://www.station.duclonggroup.com>
- Email: hoates@duclonggroup.com
- Mã chứng khoán: **DL1**

2. Quá trình hình thành và phát triển**a) Việc thành lập**

❖ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai tiền thân là Chi nhánh Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai thuộc Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3911000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 20/12/2005.

❖ Ngày 07/11/2006, Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 61/QĐ-SGTVT v/v xếp loại Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia lai đạt tiêu chuẩn Bến xe Loại I.

❖ Ngày 29/10/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

❖ Công ty chính thức được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007, số ĐKKD thay đổi 5900437257 cấp lần thứ 13 vào ngày 29/12/2014.

Quá trình tăng vốn điều lệ

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (Đồng)	Phương thức
1.	Ngày 21/12/2007	9.500.000.000	Góp vốn thành lập công ty.
2.	Ngày 16/10/2009	15.000.000.000	Phát hành riêng lẻ thêm 5,5 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên 15,0 tỷ đồng.
3.	Ngày 02/12/2010	18.000.000.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2009 là 300.000 Cổ phiếu tương đương với 3 tỷ đồng.
4.	Ngày 16/01/2012	20.699.940.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2010 là 269.994 cổ phiếu tương đương với 2.699.940.000 đồng.
5.	Ngày 06/12/2012	24.839.360.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2011 là 413.942 cổ phiếu tương đương với 4.139.420.000 đồng.
6.	Ngày 15/11/2013	28.564.540.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012 là 372.590 cổ phiếu tương đương với 3.725.900.000 đồng.
7.	Ngày 12/12/2014	31.420.260.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013 là 285.572 cổ phiếu tương đương với 2.855.720.000 đồng.

b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Đợt 1: Góp vốn thành lập Công ty

- Căn cứ Biên bản họp cổ đông sáng lập ngày 29/11/2007 về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- Số vốn góp: 9.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ năm trăm triệu đồng).
- Số cổ đông sáng lập: 04 cổ đông
- Vốn điều lệ: 9.500.000.000 đồng
- Trong đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai góp 8,2 tỷ đồng bằng giá trị tài sản thuộc Bến xe Đức Long Gia Lai theo Biên bản góp vốn ngày 08/01/2007 (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất).

Đợt 2: Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng

- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2009 ngày 15/09/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

- **Số cổ phần phát hành:** 5.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm triệu đồng).

- **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

- **Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ.

- **Hình thức phát hành:** Phát hành riêng lẻ (cho 94 cổ đông)

- **Đối tượng phát hành:**

- **CBCNV Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**

- Số lượng: 337.200 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ đông: 35 người.

- **CBCNV Công ty:**

- Số lượng: 55.000 cổ phần.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ đông: 48 người.

- **Nhà đầu tư khác:**

- Số lượng: 157.800 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ đông: 11 người.

- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)

Đợt 3: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng.

✚ **Niêm yết:**

❖ Ngày 10/03/2010, Công ty chính thức niêm yết 1.500.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội (HNX) với mã Chứng khoán là DL1.

❖ Ngày 02/12/2010, ngày giao dịch đầu tiên của 300.000 Cổ phiếu chia cổ tức để tăng vốn điều lệ Công ty lên 18 tỷ đồng.

Đợt 4: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ lên 20.699.940.000 VND.

Đợt 5: Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 20.699.940.000 VND lên 24.839.360.000 đồng.

Đợt 6: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 24.839.360.000 đồng lên 28.564.540.000 đồng.

Đợt 7: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 10:1 nhằm tăng vốn điều lệ 28.564.540.000 từ đồng lên 31.420.260.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh

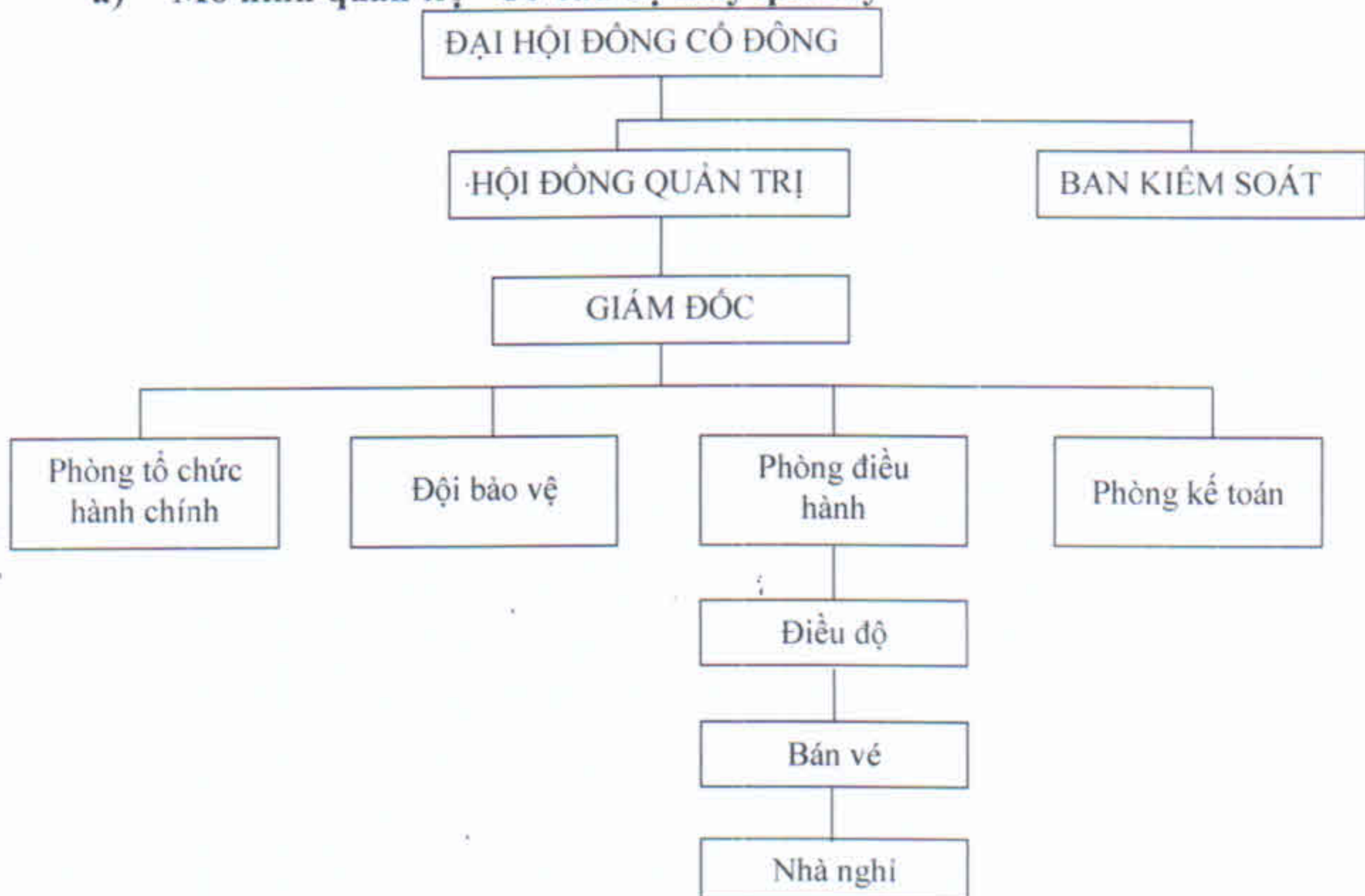
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- ✓ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- ✓ Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: + Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu
+ Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ.
- ✓ Vận tải hành khách bằng đường bộ khác
Chi tiết: + Vận tải hành khách theo tuyến cố định.
- ✓ Dịch vụ ăn uống khác.
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
Chi tiết: + Vận tải hành khách bằng xe buýt.
- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- ✓ Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Buôn bán tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng.

b) Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay kinh doanh, điều hành Bến xe Đức Long Gia Lai và được thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý



b) **Các công ty con, công ty liên kết**

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

5. **Định hướng phát triển**a) **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Phát triển DLGL INDPS trở thành Công ty với chuỗi bến xe liên tỉnh mang thương hiệu Đức Long trên khắp khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và nhân rộng mô hình này ra cả nước. Phấn đấu đến năm 2015 DLGL INDPS sẽ trở thành công ty hàng đầu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bến xe, bãi đỗ tại Việt Nam và có đủ năng lực để cạnh tranh với các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực này.

b) **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

DLGL INDPS sẽ thực hiện chiến lược thâm nhập và phát triển thị trường, lấy ngành nghề kinh doanh cốt lõi làm bàn đạp để thực hiện phát triển sang các lĩnh vực mũi nhọn với chiến lược phát triển ngành cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ và vận chuyển hành khách công cộng là chủ yếu. Trong tương lai, DLGL INDPS sẽ tập trung phát triển các lĩnh vực sau:

– Xây dựng và phát triển hệ thống bến xe bãi đỗ hiện đại và khu vực nhà ga hành khách khép kín, hiện đại với không gian thoáng mát tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và nhân rộng mô hình này ra cả nước theo chủ trương xã hội hóa đầu tư của Chính phủ;

– Phát triển các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho phương tiện vận tải đường bộ;

– Phát triển kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách công cộng các tuyến nội tỉnh Gia Lai, đưa lĩnh vực này trở thành lĩnh vực kinh doanh thường xuyên của Doanh nghiệp;

– Phát triển các loại hình dịch vụ khác như cho thuê kiốt, cho thuê kho hàng hóa, cho thuê văn phòng và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

c) **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Để đáp ứng yêu cầu phát triển theo chiến lược đề ra, DLGL INDPS cũng đã hoàn tất việc thiết lập, vận hành hệ thống chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. CBCNV của Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tình phục vụ với phương châm “Bến xe là nhà, CBCNV là chủ”, Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai hiệu quả cao hơn áp dụng quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Công ty luôn thu hút nguồn nhân lực lớn, giúp giải quyết vấn đề việc làm cho nhiều người trong địa phương cũng như các

104
ĐH
TỔ PH
PH
CỔ
G E
C L
TIA L
U

tình lân cận.

6. Các rủi ro

Những tác động không thuận của tình hình thế giới và khu vực đã ảnh hưởng trực tiếp đến du lịch, vận tải, ... Cân đối ngân sách nhà nước khó khăn, đã phải sử dụng hết các tiềm lực tài chính; huy động nguồn trái phiếu chính phủ ở mức cao và cả việc sử dụng bội chi để bù đắp chi thường xuyên, ảnh hưởng đến việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội không chỉ cho năm nay mà sẽ không đủ vốn đầu tư bố trí phục vụ tăng trưởng cho các năm tiếp theo...

Năm 2014, nền kinh tế trong nước liên tục nhận được nhiều chính sách hỗ trợ từ Nhà nước: Lãi suất cho vay giảm, thủ tục cho vay được nới rộng hơn, ... Giá xăng, dầu là nhiên liệu đầu vào ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong 6 tháng đầu năm 2014, giá xăng dầu liên tục tăng cao làm ảnh hưởng rất lớn đến chi phí sản xuất. Tuy nhiên từ tháng 7/2014 giá xăng dầu được điều chỉnh giảm nhiều đợt, giúp chi phí sản xuất giảm đáng kể, hỗ trợ tốt mức doanh thu và lợi nhuận.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014

Nền kinh tế trong năm 2014 Chính phủ đưa ra các công cụ chính sách vĩ mô điều tiết nền kinh tế như: Giảm cung tiền, phát hành trái phiếu chính phủ, hạn chế tốc độ tăng trưởng tín dụng, chính sách về tỷ giá hối đoái, lãi suất chiết khấu và gần đây nhất là thay đổi lãi suất cơ bản. Đã góp phần kiềm hãm lạm phát và bình ổn được thị trường. Trong khi đó, dòng vốn đổ vào thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán ngày một suy giảm. Những khó khăn chung của nền kinh tế cũng làm ảnh hưởng rất lớn đến DLGL INDPS.

Vượt qua những khó khăn và thách thức, nền kinh tế năm 2014 nhìn chung đã có chuyển biến tích cực, lạm phát được kiểm soát và thấp nhất trong những năm trở lại đây, kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế đã ổn định hơn so với năm trước.

Kể từ ngày chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần ngày 21/12/2007 đến nay Công ty đã có bước tăng trưởng khá cao và ổn định, nó tạo cho tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động có hiệu quả, tỷ lệ lợi nhuận tuy chưa đạt kế hoạch đặt ra, nhưng đời sống cán bộ công nhân viên được đảm bảo.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Bảng 1: Tổng hợp kết quả kinh doanh

ĐVT: Đồng

Năm	Tổng Doanh thu	Tăng trưởng Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Tăng trưởng Lợi nhuận
2008	15.084.614.803	-	2.365.466.781	-
2009	15.383.124.290	1,98%	4.891.799.721	106,80%
2010	18.956.820.206	23,23%	7.500.358.663	53,33%
2011	20.480.188.511	7,98%	6.202.068.530	-17,3%
2012	19.239.694.586	-6,05%	4.371.848.920	-29,5%
2013	19.096.147.497	-0,75%	2.212.017.050	-49,40%
2014	22.416.350.524	17,39%	3.392.975.120	53,39%

Nguồn: Số liệu báo cáo tài chính theo các năm (đã được kiểm toán)

Bảng tổng hợp số liệu trên cho thấy nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty và quyết tâm của Ban Lãnh đạo để tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận cao và ổn định để từng bước nâng cao vị thế Công ty và đời sống của CBCNV.

Công ty đang tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ bến xe, bãi đỗ, cho thuê văn phòng, dịch vụ vui chơi và giải trí. Đặc biệt là dịch vụ vận tải hành khách, nhằm đáp ứng và thoả mãn cao nhất nhu cầu vận tải.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành

- Ông Phạm Anh Hùng: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Tên: Phạm Anh Hùng

Sinh năm: 31/10/1972

Nguyên quán: Nghĩa Dong – Tư Nghĩa – Quảng Ngãi

Cư trú: Tổ 4 – P. Thống Nhất – Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (059). 3829021

Trình độ: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

- Từ 2000 - 2005: Nhân viên kinh doanh nông sản tại Công ty XNK tỉnh Gia Lai

- Từ 2006 - 2010: Nhân viên kinh doanh nông sản Công ty TNHH An Lạc – IaGrai – Gia Lai
- Từ 11/2010 – 4/2011 : Trợ lý Chủ tịch HĐQT – CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Từ 4/2011 – nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Đức Sang Gia Lai.
- Từ 1/1/2014 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 13/05/2014 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Bùi Pháp: Ủy viên Hội đồng quản trị. Đại diện CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai sở hữu 54.671% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Bùi Pháp
Sinh năm: 09/11/1962
Nguyên quán: Huyện Hoài Ân – Tỉnh Bình Định
Cư trú: 03 – Trần Quang Khải – Pleiku – Gia Lai
Điện thoại: (059) 748 789
Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1995 - 12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai.
- Từ 13/06/2007 - 16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 17/01/2007 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

• **Ông Nguyễn Đình Trạc: Ủy viên Hội đồng quản trị. Sở hữu 4.667% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Nguyễn Đình Trạc
Sinh năm: 20/06/1957
Nguyên quán: Nhơn Hòa – An Nhơn – Tỉnh Bình Định
Cư trú: 06B – Trần Cao Vân – Pleiku – Gia Lai
Điện thoại: (059) 747 206
Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1976 – 1989: Kế toán Lâm trường An Hội, An Khê, Gia Lai
- Từ 1990 – 2001: Kế toán trưởng Cty trồng rừng nguyên liệu công nghiệp Gia Lai



- Từ 2002 – 2004: Giám đốc sản xuất XNTD Đức Long Gia Lai
- Từ 2005 - 05/2007: Trợ lý Giám đốc XNTD Đức Long Gia Lai
- Từ 06/2007 – 16/01/2010: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 17/01/2010 – 31/12/2013: Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 1/1/2014 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

• **Ông Nguyễn Văn Nguyên: Ủy viên Hội đồng quản trị. Sở hữu 0.248% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Nguyễn Văn Nguyên
Sinh năm: 07/10/1978
Nguyên quán: Xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.
Cư trú: Tổ 01, phường Trà Bá, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: 0593.748367
Trình độ: Đại học

Quá trình công tác:

- Từ 2001- 8/2007: Nhân viên UBND phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- Từ 9/2007 – 12/2009: Chuyên viên Ban Nội chính – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 12/2009 – 12/2012: Phó Trưởng Ban Nội chính – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 01/2013 – nay: Trưởng Ban Nội chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

• **Ông Lê Hoàng Ngọc: Ủy viên Hội đồng quản trị. Sở hữu 0.073% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Lê Hoàng Ngọc
Sinh năm: 04/06/1981
Nguyên quán: Yên Viên – Gia Lâm – Hà Nội
Cư trú: Tổ 3 – P. Trà Bá – Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.
Điện thoại: (059)3 829 021
Trình độ: Chuyên viên kinh tế.

Quá trình công tác:

Từ 2005 - 2008: Nhân viên Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

Từ 2008 – 2012: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

Từ 2013 – 9/2014: Giám đốc Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Chu Sỹ Hoạt: Giám đốc – Người đại diện pháp luật. Sở hữu 0.073% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Chu Sỹ Hoạt
 Sinh năm: 25/10/1972
 Nguyên quán: Cương Gián – Nghi Xuân – Hà Tĩnh
 Cư trú: Tổ 4 – Phường Thắng Lợi – TP. Pleiku – Gia Lai
 Điện thoại: (059) 3 829 021
 Trình độ: Cao Đẳng

Quá trình công tác:

- Từ 2001 – 2005: Trưởng phòng bán vé – Bến xe liên tỉnh Gia Lai
- Từ 1/2006 – 2008: Kế hoạch Điều độ - Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.
- Từ 7/2009 – 7/2009: Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai.
- Từ 10/2009 – 8/2014: Cán bộ phòng Kế hoạch điều độ- Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.
- Từ 9/2014 – nay: Giám đốc - Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Bà Trần Thị Kim Cúc: Trưởng Ban kiểm soát. Sở hữu 0.073% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Trần Thị Kim Cúc
 Sinh năm: 15/07/1982
 Nguyên quán: Ân Tường Đông - Hoài Ân- Bình Định
 Cư trú: 02 – Đặng Trần Côn– Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.
 Điện thoại: (059)3 829 021
 Trình độ: Kế toán viên.

Quá trình công tác:

- Từ 2004-2006: Đi học
- Từ 2006-2009: Nhân viên thu ngân Bến xe Đức Long Gia Lai
- Từ 2009 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty

• **Bà Lý Thị Bắc: Thành viên Ban kiểm soát.**

Tên: Lý Thị Bắc

Sinh năm: 07/08/1988
 Nguyên quán: Xã Phúc Lương – Huyện Đại Từ – Tỉnh Thái Nguyên
 Cư trú: Hà Đông – Đak Đoa – tỉnh Gia Lai.
 Điện thoại: 0592.211.564
 Trình độ: Đại học

Quá trình công tác:

Nhân viên công ty CPDDTPT DVCTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Châu Thanh Hà: Thành viên Ban kiểm soát.**

Tên: Châu Thanh Hà
 Sinh năm: 28/01/1970
 Nguyên quán: Bình Tường – Tây Sơn – Bình Định.
 Cư trú: Tổ 13 – Phường Hoa Lư – TP. Pleiku – Gia Lai.
 Điện thoại: (059)3 829 021
 Trình độ: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

- Từ 1994 – 1998: Cán bộ kỹ thuật Công ty Sông Đà 10
- Từ 1998 – 2002: Cán bộ kỹ thuật Công ty Công trình Giao Thông
- Từ 2002 -2004: Cán bộ kỹ thuật Công ty TNHH 30/4
- Từ 2005 – 2009: Cán bộ kỹ thuật Công ty TNHH Anh Đạt
- Từ 2009 – 4/2014: Cán bộ kỹ thuật Công ty CP Isuzu Hùng Nhân
- Từ 3/2014 – nay: Cán bộ kỹ thuật Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Bà Hà Thị Phương Oanh: Kế toán trưởng. Sở hữu 0.073% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Hà Thị Phương Oanh
 Sinh năm: 02/12/1981
 Nguyên quán: Hưng Nghĩa – Phước Nghĩa – Tuy Phước – Bình Định
 Cư trú: 30/1/26 Trần Quý Cáp – Pleiku – Gia Lai
 Điện thoại: (059)3 829 021
 Trình độ: Cao đẳng kế toán.

Quá trình công tác:

- Từ 2004 đến 2006: Kế toán XNTĐ Đức Long
- Từ 2006 đến nay : Kế toán Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

b) Những thay đổi trong Ban điều hành

• **Về thành viên Hội đồng quản trị:**



- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai diễn ra ngày 04/05/2014, Đại hội đã thống nhất miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị theo đơn xin từ nhiệm tại Đại hội của ông Đỗ Chiến Đấu.

- Tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên vào HĐQT nhiệm kỳ 2013 -2018 là ông Nguyễn Văn Nguyên.

- **Về Thành viên Ban kiểm soát:**

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai diễn ra ngày 04/05/2014, Đại hội đã thống nhất miễn nhiệm 01 thành viên Ban kiểm soát theo đơn xin từ nhiệm tại Đại hội của ông Lê Hoài Nhân.

- Tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013 -2018 là ông Châu Thanh Hà.

- **Thay đổi chức danh lãnh đạo Công ty**

- Theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT-CT ngày 13/05/2014 về việc Phê chuẩn kết quả bầu cử chức danh thành viên HĐQT Công ty. Theo quyết định này, HĐQT công ty thống nhất ông Phạm Anh Hùng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13/05/2014.

- Theo Quyết định số 09/QĐ-HĐQT-CT ngày 03/09/2014 về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Giám đốc, thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty. Theo quyết định này, HĐQT công ty thống nhất ông Chu Sỹ Hoạt giữ chức vụ Giám đốc – Người đại diện pháp luật Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03/09/2014.

c) Chính sách đối với người lao động

Về công tác nhân sự, một mặt Công ty sắp xếp một số nhân sự hiện có, động viên CBCNV đào tạo để nâng cao trình độ để có đủ khả năng đảm nhận công việc theo yêu cầu mới. Mặt khác Công ty tích cực tuyển dụng nhân viên có năng lực, kinh nghiệm để đảm nhận công việc. DLGL INDPS cũng làm tốt công tác đào tạo, tuyển dụng nhân sự cho bộ máy của mình và xây dựng đội ngũ dự bị cho việc quản lý, điều hành các dự án mới. Tính đến 31/12/2014, tổng số nhân sự làm việc trong Công ty là 92 người, tuy nhiên việc tuyển dụng các nhân sự quản lý có năng lực còn gặp không ít khó khăn do nguồn cung lao động còn thiếu và sức hút lao động của DLGL INDPS chưa cao.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	45.306.945.563	53.894.495.728	+18,95%
2	Doanh thu thuần	19.096.147.497	22.416.350.524	+17,38%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.623.678.906	4.624.623.486	+27,62%
4	Lợi nhuận khác	-19.939.800	-298.394.827	+1.496,478%
5	Lợi nhuận trước thuế	3.603.739.106	4.326.228.659	+20,05%
6	Lợi nhuận sau thuế	2.212.017.050	3.392.975.120	+53,39%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	774	1.080	+39,53%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	7.82	5.38	
	+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	7.82	5.38	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.09	0.17	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.10	0.21	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,330.58	0	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.42	0.42	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.12	0.15	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.05	0.08	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.05	0.06	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ...	0.19	0.21	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu niêm yết: 3.142.026 cổ phiếu (Ba triệu, một trăm bốn hai nghìn, không trăm hai sáu cổ phiếu)
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết: 31.420.260.000 đồng (Ba mươi một tỷ, bốn trăm hai mươi triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.142.026 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông

Tiêu chí phân loại	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Tổng cộng số cổ đông	Tổng cộng số cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu	Cổ đông lớn (từ 5% trở lên)	2	1.922.522	61,187	220	3.142.026
	Cổ đông nhỏ	218	1.219.504	38,813		
Loại cổ đông sở hữu	Cổ đông tổ chức	20	1.980.019	63,017	220	3.142.026
	Cổ đông cá nhân	200	1.162.007	36,983		
Cổ đông khác	Cổ đông trong nước	212	2.852.887	90,798	220	3.142.026
	Cổ đông nước ngoài	8	289.139	9,202		

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 15/10/2014

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty thực hành quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:1 (nghĩa là căn cứ vào ngày chốt danh sách cổ đông 15/10/2014 để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được 01 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cứ 10 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ

phiếu mới). Theo đó mức vốn điều lệ mới sau khi chi trả cổ tức năm 2013 là 31.420.260.000 đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014 là năm mà nền kinh tế có nhiều biến động, tình hình kinh tế thế giới diễn biến hết sức phức tạp và khó lường. Cuộc khủng hoảng toàn cầu từ năm 2008 đã làm cho các doanh nghiệp trên toàn thế giới gặp không ít khó khăn. Bước sang năm 2014, giá vàng biến động, bên cạnh đó sự yếu đi của đồng đô la Mỹ đã làm cho nền kinh tế gặp không ít khó khăn.

Ở trong nước, ngành giao thông vận tải cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, kéo theo ngành dịch vụ bến xe bãi đỗ cũng bị ảnh hưởng tiếp theo. Tuy nhiên Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã không ngừng nỗ lực phấn đấu đạt được kết quả sản xuất kinh doanh của mình theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị đề ra.

Với tình hình như vậy, trong năm 2014 Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã có những thuận lợi, khó khăn như sau:

Thuận lợi:

- Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Đức Long Gia Lai về mọi mặt và sự hợp tác giúp đỡ của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.
- Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty có sự đoàn kết nhất trí cao, tâm huyết vì mục tiêu phát triển của Công ty.
- Giá xăng dầu trong 6 tháng cuối năm 2014 liên tục điều chỉnh giảm giúp chi phí sản xuất giảm đáng kể.
- Hoạt động kinh doanh của Công ty được mở rộng, không những chỉ cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ mà còn có cả các dịch vụ kèm theo như cho thuê văn phòng, cho thuê Kiot và kinh doanh thương mại....

Khó khăn:

- Lượng hành khách đi lại giao thương giữa các vùng miền có chiều hướng giảm đã làm cho các hãng vận tải phải cắt giảm chuyến để bảo toàn lợi nhuận, điều này dẫn đến Doanh thu và lợi nhuận của công ty cũng bị ảnh hưởng theo.

➤ Hiện tượng một số hãng xe tổ chức đón khách không qua bến, tình trạng “xe dù”, “bến cóc” hiện vẫn đang còn phổ biến ở địa bàn thành phố Pleiku là một bài toán nan giải của ngành giao thông vận tải tỉnh Gia Lai.

➤ Chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ đã làm cho việc kinh doanh của các Doanh nghiệp gặp không ít khó khăn kéo theo nhu cầu giao thương đi lại của người dân sụt giảm.

➤ Nguồn lực về đội ngũ quản lý của Công ty còn bị hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, năng lực chuyên môn và quản lý còn chưa đáp ứng được với mô hình và quy mô phát triển của Công ty.

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	50,751	46,907
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	48,69	52,984
- Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Lần	0,83	0,89
2. Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	7,698	17,116
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	92,301	82,884
3. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	7,817	5,377
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	7,817	5,377
4. Tỷ suất lợi nhuận			
- LNTT/Tổng tài sản	%	7,954	8,027
- LNST/Doanh thu thuần	%	14,421	15,136
- LNST/Vốn chủ sở hữu	%	6,585	7,596

- **Tình hình nợ phải trả:** Đối với chỉ số khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện hành đạt 5,377 lần, cho thấy Công ty hoàn toàn có thể trả ngay tất cả các khoản nợ bằng tiền khi đến hạn và cùng một lúc tất cả các hợp đồng tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đồng thời các khoản nợ vay, lãi vay được thanh toán nhiều kỳ trong năm. Tuy nhiên các chỉ số này của Công ty hiện nay quá cao nên Ban điều hành Công ty sẽ có kế hoạch khai thác triệt để thế mạnh về vốn để nâng cao hiệu quả đầu tư trong những năm tiếp theo.

- **Tình hình tài sản:** Đặc thù Công ty là kinh doanh dịch vụ, hiện tại Công ty sử dụng vốn đầu tư vào TSCĐ nhưng hiệu suất sử dụng của TSCĐ chưa

cao. Hiệu suất sử dụng TSCĐ năm 2013 là 0,83 lần, năm 2014 tăng lên 0,89 lần. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định thấp dẫn đến khả năng sinh lời TSCĐ chưa đạt.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

✚ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý:

➤ Kiện toàn tổ chức hoạt động của Công ty, cập nhật, hoàn thiện các quy trình, quy chế theo quy định...

➤ Tiến hành các thủ tục hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lần 7 trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Thị trường chứng khoán Hà Nội vào ngày 12/12/2014.

✚ **Các biện pháp kiểm soát:** Trong năm qua, mặc dù tình hình kinh doanh trong lĩnh vực vận tải lĩnh vực cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên các chỉ tiêu SXKD chính như Doanh thu và Lợi nhuận vẫn được Công ty duy trì và có sự vượt trội. Kết quả đạt được như trên là do:

➤ Chủ trương lãnh đạo của Hội đồng quản trị Tập đoàn Đức Long Gia Lai (Công ty mẹ) hoàn toàn xuyên suốt và đúng đắn với sự phát triển của Công ty.

➤ Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV của Công ty đã tập trung về mọi mặt để đảm bảo Công ty hoạt động tốt đồng thời khai thác tối đa mọi nguồn lực để đảm bảo Công ty hoạt động liên tục.

➤ Công ty đã quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, kiểm soát toàn bộ quá trình vận hành hệ thống xe buýt... đảm bảo hiệu quả SXKD đạt mức tối ưu.

➤ Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2000...

➤ Các nguồn vốn đã được cơ cấu lại một cách hợp lý để giảm đến mức thấp nhất chi phí vốn vay...

➤ Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

✚ Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2015:

- Doanh thu : 36,050 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 8,16 tỷ đồng

✚ Các căn cứ lập kế hoạch:

➤ *Công tác kinh doanh:*

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy thế mạnh của kết quả hoạt động những năm đã qua, đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị, quản lý lao động, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, duy trì các đối tác, khách hàng truyền thống, đồng thời tìm kiếm, mở rộng thị trường, ... đảm bảo tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

➤ *Chiến lược nhân sự và công tác xây dựng bộ máy:*

- Nhân sự luôn là vấn đề nòng cốt và đi đầu cho sự phát triển của Công ty. Chính vì vậy, Ban Giám đốc sẽ tập trung nghiên cứu, đề ra các chính sách để khuyến khích lực lượng cán bộ - nhân viên và cán bộ chủ chốt hiện đang cống hiến gắn bó với Công ty, đồng thời thực hiện chính sách thu hút nhân tài, nhất là cán bộ cấp cao có đủ năng lực trình độ về làm việc cho Công ty;

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, phân cấp, ủy quyền quản lý, phát huy tính năng động, sáng tạo và tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật Nhà nước.

- Duy trì và cải tiến các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000.

- Điều chỉnh, cải tiến các quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng thời kỳ.

➤ *Công tác quản trị tài chính kế toán:*

- Công tác hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời và hiệu quả tuân thủ theo các quy định về hạch toán hiện hành, đảm bảo cân đối được nguồn vốn để triển khai được các dự án của Công ty và cũng để thực hiện thành công chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của Công ty, các định chế tài chính và khách hàng để tư vấn, đem lại hiệu quả cao cho Công ty, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông cũng như khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

➤ *Công tác đầu tư:*

Tập trung nghiên cứu và thực hiện các dự án bến xe mang thương hiệu **Đức Long** rộng rãi khắp cả nước, nghiên cứu kỹ phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn để phù hợp với thực tế và thị trường nhằm đạt hiệu quả cao.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014 là một năm cả nước phải đối mặt với những bất ổn của kinh tế vĩ mô, khó khăn và diễn biến phức tạp của nền kinh tế trong nước và thế giới đã tác động trực tiếp đến hàng loạt hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam, khiến hàng loạt doanh nghiệp giải thể, phá sản, thu hẹp sản xuất. Trong khi đó giá nhiên liệu điều chỉnh nhiều lần, mặt bằng giá nhiên liệu 6 tháng đầu năm 2014 tăng, nhưng từ 7/2014 giá xăng dầu được điều chỉnh giảm liên tục đến 30 - 40% so với mức giá giữa năm 2014. Ngành Giao thông vận tải là ngành tham gia lưu thông phân phối, đưa sản phẩm từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng ... Từ đó hàng loạt các loại hàng hóa đều điều chỉnh theo tỷ lệ nhất định nhưng Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai (DL1) không những đứng vững mà còn đạt kết quả khả quan, với tốc độ tăng trưởng bền vững cả hai mặt chất và lượng.

Những kết quả mà DL1 đã đạt được trong năm 2014 vừa qua: Tổng doanh thu 22,4 tỷ đồng, lợi nhuận trên 4,3 tỷ đồng. Tình hình kinh tế có nhiều chuyển biến phức tạp, tài chính tiền tệ bị thắt chặt, thị trường chứng khoán bất ổn, nhưng cổ phiếu DL1 vẫn giữ và tăng giá, đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông khi gửi gắm niềm tin vào cổ phiếu DL1.

So với nhiều Doanh nghiệp trên địa bàn gặp nhiều khó khăn không đủ điều kiện để hoạt động, Bến xe Đức Long Gia Lai vẫn đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên có đời sống ổn định, doanh thu ổn định và tăng đều qua hàng năm, đồng thời hợp tác các thành phần kinh tế khác thành lập tổ tuyến xe cố định khai thác từ bến xe Đức Long Gia Lai đi các tỉnh và thành phố trong toàn quốc.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc trong năm 2014 đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT trong việc triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các nội dung chính Ban Giám đốc thực hiện như sau:

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng hạn Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013; báo cáo tài chính quý IV/2013; báo cáo tài chính quý I, II và III năm 2014; báo cáo tài chính 6 tháng năm 2014 đã được kiểm toán; báo cáo thường niên năm 2013.

- Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên 2014 theo đúng quy định của pháp luật vào ngày 04/05/2013.

- Hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013 cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ-2014 ngày 04/05/2014. Theo đó, số lượng cổ phiếu phát hành là 285.572 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu trên đã được đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung theo đúng quy định của pháp luật và chính thức giao dịch vào ngày 12/12/2014.

- Đôn đốc và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014 – 2016, trọng tâm kế hoạch năm 2014 với tổng doanh thu 35 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 8 tỷ đồng.

- Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban Giám đốc điều hành công việc nhất quán và hiệu quả, tuân thủ Điều lệ Công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Với các cán bộ quản lý khác, HĐQT căn cứ chức danh nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành, làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm điều động vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Thực hiện đúng và đầy đủ công tác kiểm toán định kỳ hàng năm.

- Giám sát các hoạt động khác diễn ra trong công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Công ty luôn vững tin với những kết quả đạt được và trên tinh thần “nói là làm”, HĐQT sẽ cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc bằng những hành động cụ thể, tập trung thật tốt công tác quản lý và triển khai các hoạt động dịch vụ, đảm bảo tăng trưởng doanh thu lợi nhuận, đáp ứng nhiều hơn nữa kì vọng mà cổ đông tin tưởng. Với các định hướng như sau:

- Đạt kế hoạch doanh thu.
- An toàn tuyệt đối trong sản xuất.
- Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.
- Phát huy các mối quan hệ bền chặt với khách hàng, đối tác và nhà đầu tư.

- Kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền và Công đoàn chăm lo đời sống cho người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1.	Ông Phạm Anh Hùng	Chủ tịch	0%	Thành viên điều hành
2.	Ông Bùi Pháp	Ủy viên	Đại diện CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai sở hữu 54.671%	Thành viên độc lập
3.	Ông Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên	4.667%	Thành viên độc lập
4.	Ông Nguyễn Văn Nguyên	Ủy viên	0.248%	Thành viên độc lập
5.	Ông Lê Hoàng Ngọc	Ủy viên	0.073%	Thành viên độc lập

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

❖ Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
1	22/03/2014	V/v Gia hạn tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 và Quyết định thời gian tổ chức vào tháng 5/2014.	100%
2	13/05/2014	V/v Phê chuẩn kết quả bầu cử chức danh thành viên HĐQT Công ty.	100%
3	13/06/2014	V/v Ủy quyền cho ông Đỗ Chiến Đấu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ tại Bến xe Đức Long Gia Lai.	100%
4	01/06/2014	V/v Ủy quyền người đại diện Công ty để ký kết hồ sơ vay vốn ngân hàng.	100%
5	11/07/2014	V/v Miễn nhiệm chức danh Giám đốc.	100%

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
6	11/07/2014	V/v Bổ nhiệm chức danh Quyền Giám đốc Công ty cho ông Đỗ Chiến Đấu.	100%
7	03/09/2014	V/v Miễn nhiệm và bổ sung chức danh Giám đốc và người đại diện pháp luật Công ty.	100%
8	05/09/2014	V/v Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu 2013.	100%
9	05/09/2014	V/v Thông qua Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu 2013.	100%
10	25/09/2014	V/v Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu năm 2013.	100%
11	10/11/2014	V/v Thông qua sửa đổi nội dung Điều lệ Công ty.	100%
12	10/11/2014	V/v Thông qua lưu ký chứng khoán và niêm yết bổ sung 285.572 cổ phiếu.	100%

Ngoài các cuộc họp theo định kỳ, Chủ tịch HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp hội ý thường trực HĐQT với ban Giám Đốc, đồng thời liên tục trao đổi, thống nhất chủ trương giữa các thành viên HĐQT.

d) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**

e) **Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị**

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu.

2. Ban kiểm soát

a) **Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát**

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trần Thị Kim Cúc	Trưởng ban	0.073%
2	Lý Thị Bắc	Thành viên	0%
3	Châu Thanh Hà	Thành viên	0%

b) **Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã thực hiện các hoạt động: Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính các quý, cả năm của Công ty; kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông thường niên; Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến công tác tài chính doanh nghiệp định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Cụ thể như sau :

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính các quý, năm 2014 của Công ty. Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán các kỳ báo cáo tài chính và đột xuất khi có yêu cầu.

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan các công tác tài chính doanh nghiệp định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu.

- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;

- Xem xét, kiểm tra công tác ký kết các hợp đồng kinh tế;

- Xem xét, kiểm tra thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và phân chia cổ tức hàng năm;

- Báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- Chấn chỉnh các nghiệp vụ sai sót do chuyên môn và đề xuất nhiều vấn đề cho công tác quản lý trong toàn Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

- **Mức thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.

- Các thành viên Hội đồng quản trị: 2.000.000 đồng/tháng.

- Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty sẽ không nhận thù lao.

- **Mức thù lao của thành viên Ban kiểm soát**

- Trưởng ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.

- Các thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng.

- Trường hợp thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm công việc tại

Công ty sẽ không nhận thù lao.



• Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên HĐQT, ban kiểm soát sẽ được thưởng:

- 1% (một phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm.
- 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người liên quan**
(Không có)

c) **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Công ty luôn chấp hành pháp luật về quản trị công ty. Để thực hiện hiệu quả trong hoạt động của công ty trong tương lai, DLGL INDPS tập trung thực hiện các kế hoạch như sau: Nâng cao năng lực quản trị điều hành của Ban lãnh đạo; kiện toàn đội ngũ nhân sự, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có đủ năng lực chuyên môn và đạo đức lối sống để thực hiện tốt các công việc của Công ty; tăng cường giám sát hoạt động của các phòng ban chuyên môn, thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết để mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng và nâng cao hiệu quả vốn; chuẩn hóa các quy trình cung cấp dịch vụ, áp dụng công nghệ quản lý hiện đại theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000; tăng cường công tác bảo vệ an ninh để bảo vệ tài sản và cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính:
Là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số 10/11 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Phú
Số 10/11 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Phú
Số 10/11 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Phú

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Số 10/11 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Phú
Số 10/11 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Phú
Số 10/11 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Phú

Số: 327/2013/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/01/2015, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc lưu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tử - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 1031-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thị Thúy - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 1622-2013-010-1

Báo cáo này được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính và các Thuyết minh báo cáo tài chính AAC.

Trang 4

2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc (hết) ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị: VND (20) số 13/2006/QĐ - BTC

Ngày 29/3/2006 và các sửa đổi bổ sung

theo Quyết định của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.555.403.253	22.060.333.011
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	268.935.518	497.335.665
1. Tiền	111		268.935.518	297.335.665
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.571.491.265	20.549.062.670
1. Phải thu khách hàng	131		307.451.333	136.810.864
2. Trả trước cho người bán	132		682.881.833	-
3. Các khoản phải thu khác	133	7	26.727.345.979	20.412.251.806
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(145.990.880)	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		715.075.470	1.013.934.676
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	673.791.493	480.221.966
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		-	155.755.880
3. Tài sản ngắn hạn khác	159	9	41.283.977	377.956.830
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.338.991.475	23.246.612.852
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.280.625.807	22.994.027.639
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	25.280.625.807	22.994.027.639
- Nguyên giá	221		35.635.533.608	31.389.768.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	221		(10.354.917.801)	(8.395.740.475)
2. Tài sản cố định vô hình	222	11	-	-
- Nguyên giá	222		58.625.000	58.625.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	222		(58.625.000)	(58.625.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		58.365.668	252.584.913
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	58.365.668	252.584.913
2. Tài sản dài hạn khác	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		53.894.494.728	45.306.945.863

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 26 là hồ sơ phần phụ lục của Báo cáo tài chính này

Trang 5

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIÀ LẠI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.224.691.010	4.030.117.965
I. Nợ ngắn hạn	310		5.310.091.254	3.363.830.088
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	1.122.503.000	130.000.000
2. Phải trả người bán	312		637.843.731	399.692.430
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	973.950.579	480.182.193
4. Phải trả người lao động	311		389.443.095	279.460.080
5. Chi phí phải trả	316	15	12.311.962	1.169.833
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	313	16	1.200.769.820	485.612.985
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	321		1.013.263.067	1.067.710.967
II. Nợ dài hạn	320		3.914.603.756	666.287.877
1. Vay và nợ dài hạn	331	17	3.820.000.000	450.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	333		94.603.756	216.287.877
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44.669.801.718	41.276.827.598
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	44.669.801.718	41.276.827.598
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	31.420.263.000	28.564.540.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	412	18	8.025.697.063	8.025.997.063
3. Quỹ dự phòng tài chính	413	18	1.006.961.740	1.006.961.740
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	4.216.881.913	3.679.328.793
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		53.894.493.728	45.306.945.563



Chu Sĩ Hoạt

Gia Lai, ngày 25 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Vốn số B.02: DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-CT, CT

ngày 20/12/2006 của Bộ Tài chính

có hiệu lực của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	22.416.350.524	19.096.147.497
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	22.416.350.524	19.096.147.497
4. Giá vốn hàng bán	11	20	14.502.994.054	12.258.349.391
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		7.913.356.470	6.837.798.106
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.109.929.558	104.409.759
7. Chi phí tài chính	22	22	239.427.031	106.982.823
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		239.427.031	106.982.823
8. Chi phí bán hàng	24		611.663.344	562.337.754
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.047.572.267	2.649.208.582
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.624.623.486	3.623.678.906
11. Thu nhập khác	31	23	36.170.518	733.200
12. Chi phí khác	32	24	534.565.143	20.673.000
13. Lợi nhuận khác	40		(298.394.627)	(19.939.800)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	4.326.228.659	3.603.739.106
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	933.253.539	1.391.722.056
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25	3.392.975.120	2.212.017.050
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.080	774



Chu Sỹ Hoạt

Gia Lai, ngày 25 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

Các Thuyết minh lập kèm theo từ trang 3 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.

Trang 7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đã số B 03-ĐN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-PTC
ngày 29/3/2006 của Ủy ban đầu tư và
cải cách quản trị Nhà nước

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	23.530.656,82	20.441.445.178
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(12.741.548,32)	(10.119.909.465)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.106.489,43)	(2.957.109.742)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(228.280,62)	(108.033.312)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.248.746,96)	(1.200.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.933.065,80	1.156.406.277
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(34.556.100,17)	(6.565.910.740)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.437.443,88)	546.882.196
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(5.085.709,15)	(953.471.728)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	25.000,00	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.035.680,50)	(1.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	22.923.005,44	2.400.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.039.929,38	104.409.759
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.836.544,38	(49.062.969)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.800.000,00	2.200.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(457.500,00)	(2.432.511.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(681.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.342.500,00	(233.192.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(228.399,47)	264.627.227
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	497.335,65	232.708.438
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quĩ đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	268.936,18	497.335.665



Chu Sỹ Hoạt

Gia Lai, ngày 25 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biên

Hà Thị Phương Oanh

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Trang 8

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cáo năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Cáo Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (còn là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/12/2014). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2010/GCNCP-VSD - 4 ngày 28/01/2010 với mã chứng khoán DL1, thay đổi lần 5 ngày 24/11/2014. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 10/03/2010.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý mua bán xăng, dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; Đại lý mua bán các chất bột mịn, làm sạch động cơ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

Trang 7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
47 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc, đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ hàng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính tài thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi công ty có giao dịch; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong năm và do đánh giá lại số dư cuối năm được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

Trang 10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LẠI
số 1 Lý Nươn Đốc, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 45
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4,5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn)
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2005 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giá phòng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất) hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	Hết khấu hao

Trang 11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cáo năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả, trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản do đang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong năm.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đang kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đang kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm báo gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, đồng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Trang 12

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43/13 Nam Đé, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Còn kèm các chứng từ kế toán ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc, đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được trừ hoặc họ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Hoạt động vận tải khách bằng xe buýt thuộc đối tượng không chịu thuế; các dịch vụ khác (cho thuê bãi, dịch vụ bến, bến đỗ, cho thuê xe...) chịu thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% do Cấp ứng điều kiện là tổng doanh thu của năm 2013 không quá 20 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Tiền thuế đất: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000/19 thay đổi ngày 24 tháng 11 năm 2011 của UBND Tỉnh Gia Lai, Công ty được miễn tiền thuế đất đối với diện tích để mở rộng bến xe khách và xây dựng bến xe tải trong thời gian xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được miễn tiền thuế đất trong 3 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động (30/11/2011).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Trang 13

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Còn năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2013 theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 21/07/2014 và Quyết định số 2069/QĐ-CT ngày 25/07/2014 của Cục thuế Gia Lai về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế. Theo đó, kết quả điều chỉnh hồi tố như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2013 (Đã hồi tố) VND	Số liệu tại ngày 31/12/2013 VND	Chênh lệch VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	980.182.193	438.158.116	542.023.577
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	3.679.628.793	4.221.652.370	(542.023.577)

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2013 (Đã hồi tố) VND	Năm 2013 VND	Chênh lệch VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.603.739.106	3.603.739.106	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.391.722.056	849.698.170	542.023.577
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	2.212.017.050	2.754.040.925	(542.023.577)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	774	664	(190)

Công ty đã điều chỉnh lại chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 do hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu (số tiền: 542.023.577 đồng) vào kết quả kinh doanh năm 2013. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này làm cho chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 tăng 542.023.577 đồng. Theo đó, khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" tại thời điểm 31/12/2013 tăng 542.023.577 đồng và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm tương ứng; khoản mục "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2013 giảm 190 đồng/1 cổ phiếu.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	150.708.811	262.073.940
Tiền gửi ngân hàng	118.227.764	58.261.716
Các khoản tương đương tiền	-	200.000.000
Cộng	268.936.511	497.335.656

Trang 14

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng thời với các báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	-	20.156.832.795
Phải thu CNV về đồng phục, bảo hiểm...	11.754.580	16.860.512
Phải thu ông Lê Phú Hải	208.538.393	208.538.399
Phải thu bà Võ Thị Thu Hằng (*)	13.882.634.060	-
Phải thu bà Trần Thị Thu Trang (*)	9.700.000.000	-
Phải thu ông Nguyễn Thanh Lâm (*)	924.400.000	-
Cộng	26.727.346.979	20.412.251.806

(*) Cho các cá nhân mượn tiền theo các hợp đồng cho mượn số 135A, 136A ngày 01/08/2014; 137A ngày 20/08/2014. Thời gian cho mượn trong vòng 12 tháng kể từ ngày phát sinh khoản cho mượn.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Và, hóa đơn GTGT kiểm soát xuất kho	81.679.780	107.550.045
Chi phí thay thế sơn lớp ô tô	440.031.610	243.803.333
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	115.568.010	77.459.653
Chi phí bảo trì phần mềm	26.517.070	51.378.935
Cộng	673.794.490	480.221.966

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng	41.280.970	377.954.030
Cộng	41.280.970	377.954.030

Trang 15

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LẠI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	25.656.517.100	5.665.851.014	67.401.000	31.389.768.114
Mua sắm trong năm	-	4.350.168.000	-	4.350.168.000
Đầu XD/CB h/hoàn	66.048.014	-	-	66.048.014
Tỷ lệ nhượng bán	-	170.444.520	-	170.444.520
Số cuối năm	25.722.565.114	9.845.574.494	67.401.000	35.635.539.608
Khấu hao				
Số đầu năm	5.332.406.260	2.995.934.215	67.401.000	8.395.741.475
Khấu hao trong năm	1.229.079.214	802.258.122	-	2.031.337.336
Tỷ lệ nhượng bán	-	72.164.010	-	72.164.010
Số cuối năm	6.561.485.474	3.726.028.327	67.401.000	10.354.913.801
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	20.324.110.840	2.669.916.799	-	22.994.027.639
Số cuối năm	19.161.079.640	6.119.546.167	-	25.280.625.807

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 67.400.000 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản đã thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2014 là 4.957.868.346 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	58.625.000	58.625.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	58.625.000	58.625.000
Khấu hao		
Số đầu năm	58.625.000	58.625.000
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	58.625.000	58.625.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 58.625.000 đồng.

Trang 16

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LẠI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ quan tài chính kế toán ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ cho phân bộ	29.730.307	109.473.097
Chi phí thuê cây xăng nhiều năm (Ước ứng với doanh thu nhận trước)	28.676.36	143.181.516
Cộng	58.366.667	252.584.913

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	1.122.500.000	150.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Lai	162.300.000	150.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc dân - Sơ giao dịch	960.000.000	-
Cộng	1.122.500.000	150.000.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	179.735.151	12.978.290
Thuế thu nhập doanh nghiệp	651.714.173	967.203.903
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	142.512.233	-
Cộng	973.958.577	980.182.193

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế đã kê trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi vay phải trả	12.311.960	1.165.833
Cộng	12.311.960	1.165.833

Trang 17

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Chỉ gồm tài khoản) kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	233.175.470	197.841.110
Bảo hiểm thất nghiệp	2.659.021	8.579.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	964.935.620	279.181.295
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	600.096.330	-
- Nhận đặt cọc của Công ty TNHH MTV Mũi Lính Gia Lai	-	79.247.000
- Nhận đặt cọc của nhân viên bán xe, xe ô tô, bốn bánh	332.457.940	245.048.025
- Cổ tức phải trả	109.000	109.000
- Phải trả khác	32.272.340	14.787.370
Cộng	1.200.769.820	485.612.985

17. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Vay dài hạn	3.820.000.000	450.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (1)	300.000.000	450.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc dân - Sở giao dịch (2)	3.520.000.000	-
Cộng	3.820.000.000	450.000.000

(1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng số 1682/HĐCV/PN/TCB-PLU ngày 26 tháng 12 năm 2013 để mua ô tô phục vụ mục đích đi lại. Theo đó, tổng số tiền vay là 600.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 27/12/2013), lãi suất theo Hợp đồng là 13,9%/năm, được cố định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu và sẽ được điều chỉnh từ tháng thứ 4 trở đi.

(2) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc dân - Sở giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số 051/14/HĐ/TĐ-101-63 ngày 20 tháng 08 năm 2014 để mua ô tô 4 chỗ Land Rover phục vụ mục đích đi lại và kinh doanh. Theo đó, tổng số tiền vay là 4.800.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20/08/2014), lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, được thay đổi sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay (có thể được áp dụng theo quy định của pháp luật tăng lên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LẠI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	24.839.360.000	8.025.697.065	1.806.961.740	5.192.815.743	39.865.834.548
Tăng trong năm	3.725.190.000	-	-	2.212.817.050	5.937.997.050
Giảm trong năm	-	-	-	3.725.962.000	3.725.962.000
Số dư tại 31/12/2013	28.564.540.000	8.025.697.065	1.806.961.740	3.679.628.793	41.276.827.598
Số dư tại 01/01/2014	28.564.540.000	8.025.697.065	1.806.961.740	3.679.628.793	41.276.827.598
Tăng trong năm	2.859.720.000	-	-	1.391.975.120	4.249.695.120
Giảm trong năm	-	-	-	2.835.720.000	2.835.720.000
Số dư tại 31/12/2014	31.420.260.000	8.025.697.065	1.806.961.740	2.235.883.913	44.669.802.718

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	17.177.680.000	15.616.080.000
Vốn góp của các cổ đông khác	14.242.580.000	12.948.400.000
Cộng	31.420.260.000	28.564.480.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.142.025	2.856.454
- Cổ phiếu thường	3.142.025	2.856.454
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.142.025	2.856.454
- Cổ phiếu thường	3.142.025	2.856.454
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

Tổng 19

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.679.628.791	5.193.515.743
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.392.975.121	2.212.017.080
Phân phối lợi nhuận năm trước	2.855.720.000	3.725.904.000
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	2.855.720.000	3.725.904.000
- Trả cổ tức bằng tiền (từ lợi nhuận trước thuế)	-	724.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.216.883.911	3.679.628.793

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/NQ-ĐHCD/2014 ngày 04/05/2014.

e. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/NQ-ĐHCD/2014 ngày 04/05/2014 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ (tương ứng số tiền 2.856.450.000 đồng). Theo đó, tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu là 10%. Theo Báo cáo kết quả phát hành của DL1 thì số cổ phiếu tăng thêm 285.572 cổ phiếu (tương ứng số tiền 2.855.720.000 đồng) và ngày 27/11/2014 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có thông báo số 973-T-SCGDHN về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu. Cổ tức tương ứng với cổ phiếu là tỷ lệ này.

19. Doanh thu

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Tổng doanh thu	22.416.350.521	19.096.147.497
- Doanh thu dịch vụ vận chuyển bằng xe buýt	7.729.000.000	4.233.308.087
- Doanh thu dịch vụ bến xe	14.687.350.521	9.841.215.592
- Doanh thu bán hàng	-	21.423.828
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.416.350.521	19.096.147.497

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Giá vốn dịch vụ vận chuyển bằng xe buýt	7.697.661.37	8.075.601.305
Giá vốn dịch vụ bến xe	7.205.332.68	4.104.321.628
Giá vốn bán hàng	-	18.425.638
Cộng	14.902.994.051	12.258.349.191

Trên đây

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LẠI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Lãi nền gửi, tiền cho vay	3.711.317	104.409.759
Lãi cho Tập đoàn DLGL vay	1.006.218,04	-
Cộng	1.009.929,553	104.409.759

22. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Chi phí lãi vay	239.427,031	106.982.823
Cộng	239.427,031	106.982.823

23. Thu nhập khác

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Transfer từ tài sản cố định	22.725,271	-
Thu nhập khác	13.443,241	733.200
Cộng	36.170,511	733.200

24. Chi phí khác

	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	98.280,511	-
Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp	155.413,341	-
Chi phí khác	80.871,49	20.673,000
Cộng	334.565,341	20.673.000

Trang 21

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ

CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LẠI

43 - Nam Đê, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.526.228.654	5.603.739.105
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	340.039.031	2.590.221.787
Điều chỉnh tăng	340.039.031	2.603.122.878
- Lợi cho vay đối với công nợ Tập đoàn DLGL	-	2.437.903.373
- Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	(90.949.323)	94.004.805
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	149.089.701	71.173.009
Điều chỉnh giảm	-	12.901.091
- Thuế GTGT không được khấu trừ ghi tăng chi phí	-	12.901.091
Tổng thu nhập chịu thuế	4.666.267.694	8.193.960.893
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	933.253.533	1.391.722.056
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.392.975.121	2.212.017.050

26. Lợi cơ bán trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.392.975.121	2.212.017.050
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.392.975.121	2.212.017.050
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.142.023	2.856.454
Lợi cơ bán trên cổ phiếu	1.081	774

27. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.439.117.441	7.354.921.791
Chi phí nhân công	3.431.288.861	3.250.839.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.031.337.333	1.786.461.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.707.896.263	1.992.080.270
Chi phí khác bằng tiền	807.244.493	1.067.157.000
Cộng	18.416.884.403	15.451.469.889

Trang 23

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lũy Nam Đổ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc, đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa đã đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên liệu đầu vào của công ty chủ yếu là xăng dầu và các sản phẩm liên quan đến việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển. Giá bán xăng dầu không có sự chênh lệch giữa các nhà cung cấp. Đối với việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển, Công ty có chính sách khảo sát giá của nhiều nhà cung cấp khác nhau, sau đó lựa chọn nhà cung cấp phù hợp. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận thấy không có rủi ro trọng yếu đối với việc thay đổi giá nguyên vật liệu đầu vào.

Quản lý rủi ro tín dụng

Với đạo thủ kinh doanh vận chuyển xe buýt, dịch vụ bến xe là thu tiền ngay. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ các dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Trang 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chức năng tài chính: kế toán ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	1.122.500.000	3.820.000.000	4.942.500.000
Phải trả người bán	697.849.731	-	697.849.731
Chi phí phải trả	12.311.960	-	12.311.962
Phải trả khác	964.935.626	-	964.935.626
Cộng	2.797.597.319	3.820.000.000	6.617.597.319
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	150.000.000	450.000.000	600.000.000
Phải trả người bán	399.692.930	-	399.692.930
Chi phí phải trả	1.165.833	-	1.165.833
Phải trả khác	279.191.595	-	279.191.595
Cộng	830.050.358	450.000.000	1.280.050.358

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	268.935.518	-	268.935.518
Phải thu khách hàng	307.452.333	-	307.452.333
Phải thu khác	26.381.355.099	-	26.381.355.099
Cộng	27.157.744.950	-	27.157.744.950
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	497.335.665	-	497.335.665
Phải thu khách hàng	131.810.864	-	131.810.864
Phải thu khác	20.412.251.806	-	20.412.251.806
Cộng	21.046.398.335	-	21.046.398.335

29. Bảo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh

Trang 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cao nhất tại chức tại thời gian 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc, đồng thời với các Báo cáo tài chính)

doanh duy nhất là dịch vụ vận chuyển, bến bãi và theo một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

30. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai
Công ty CP Trồng rừng & Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai
Công ty TNHH MTV Đức Long Đắk Nông

b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan		Năm 2014	Năm 2013
Bên liên quan	Nội dung	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Cho thuê xe	209.54.540	-
Công ty CP Trồng rừng & Cây Công nghiệp DLGL	Cho thuê văn phòng	24.51.766	28.329.840
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	Cho thuê văn phòng	34.72.740	23.872.550
Công ty TNHH MTV Đức Long Đắk Nông	Sửa chữa xe	136.55.573	-
Mua hàng và nhận dịch vụ			
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Thuê xe buýt, dịch vụ khác	544.60.000	544.340.000
Các khoản thu khác			
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Cho cho vay dài hạn	7.035.80.850	-
	Chuyển nhượng thu thành cho vay dài hạn	20.186.132.795	-
	Bổ trừ nợ	299.08.000	599.616.000
	Thu hồi tiền cho vay	22.923.05.645	-
	Cho cho mượn	386.79.980	3.033.553.900
	Thu hồi tiền cho mượn	988.176.514	360.337.000
	Lãi cho vay	1.006.118.043	-
	Thu lãi cho vay	1.006.118.043	-

Trang 25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư với các bên có liên quan

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trả trước cho người bán		
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	124.625.933	-
Phải thu khác		
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	-	20.186.832.795
Phải trả khác		
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	806.096.334	-
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ DLGL	20.749.540	20.749.540

d. Tiền lương Ban giám đốc

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương của Ban Giám đốc	263.442.435	322.723.468
Cộng	263.442.435	322.723.468

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

32. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh bởi tổ theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 21/07/2014 của Cục thuế Tỉnh Gia Lai.



Chu Sỹ Huệ

Gia Lai, ngày 25 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

KẾT LUẬN

Nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng đã cơ bản phục hồi trong năm 2014, tuy nhiên năm 2014 được nhìn nhận là một năm chứng kiến sự biến động khó lường theo chiều hướng phức tạp của nền kinh tế. Giá xăng dầu thế giới giảm nhanh trong bốn tháng cuối năm, làm hạ giá thành trong nước, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, đã tăng trưởng được phục hồi trong hầu hết các ngành, lĩnh vực là những điểm sáng của bức tranh kinh tế năm nay.

Nhìn lại một năm đã qua, những bài học được đúc kết và kinh nghiệm cho con đường phát triển của DLGL INDPS, HĐQT và Ban Lãnh đạo cùng Tập thể CBCNV nhận thấy còn rất nhiều công việc phải làm trong các năm tới. Tập thể DLGL INDPS với một tinh thần đoàn kết, tương hỗ và quyết tâm hoàn thành kế hoạch giai đoạn 2012-2016 để hiện thực hoá tầm nhìn: “DLGL INDPS trở thành đơn vị hàng đầu về cung cấp dịch vụ bến xe, bãi đỗ trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên và khu vực Miền Trung”.

Ngoài lĩnh vực kinh doanh bến xe, bãi đỗ vận tải hành khách thì DLGL INDPS đang chú trọng mở rộng cung cấp dịch vụ kèm theo, như cho thuê văn phòng, cho thuê ki ốt, khu vui chơi, giải trí và trung tâm kinh doanh thương mại theo phương châm: **“Bến xe là nhà, Cán bộ nhân viên là chủ”**. Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo. Rất mong các nhà đầu tư và các cổ đông thấu hiểu, thông cảm, chia sẻ và ủng hộ cho HĐQT lãnh đạo Công ty từng bước vượt qua khó khăn, tạo tiền đề vững chắc trong năm 2015 và những năm sau khi tình hình kinh tế phục hồi./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Chu Sỹ Hoạt